TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Huyện K - tỉnh Ninh Bình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **54/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: **31/8/2023**
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Trần Văn Nghi

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐST - HNGĐ ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 2000; ĐKHK và trú tại: xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1995; ĐKHK và trú tại: xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 29/5/2023 được bổ sung tại bản tự khai ngày 29/5/2023 nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đỗ Hữu T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình là quê của anh T. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Do mâu thuẫn không giải quyết được nên từ cuối năm 2021 đến nay vợ chồng chị sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh T có một người con chung là Đỗ Thu T1, sinh ngày 25/01/2020, hiện cháu T1 đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Đỗ Hữu T: có đăng ký thường trú và đang cư trú tại nhà bà Mai Thị H1 là mẹ đẻ anh T ở xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện K đã tống đạt các văn bản tố tụng theo đường bưu điện nhưng không có kết quả.

Xác minh tại xã L: Chính quyền địa phương và bà H1 cho biết anh T thường xuyên đi làm ăn từ sáng sớm đến tối muộn mới về nhà, có khi mấy ngày mới về nhà vào buổi chiều tối xong lại đi luôn. Việc giao nhận văn bản của Tòa án là do Tòa án với T, bà không can thiệp từ chối không nhận hộ.

Do đó Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn và các văn bản tố tụng khác là Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của BLTTDS. Mặc dù anh T đã biết rõ việc TAND huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh, nhưng anh T không có mặt làm việc tại Tòa án, không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và không cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất ngày 16/8/2023, do anh T vắng mặt, do đó hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vụ án vào ngày 31/08/2023. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thu H ly hôn anh Đỗ Hữu T.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Thu T1, sinh ngày 25/01/2020 cho chị Trần Thị Thu H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Án phí: Chị Trần Thị Thu H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu H có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" với anh Đỗ Hữu T, anh T có nơi cư trú tại: xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn anh Đỗ Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả hai đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Đỗ Hữu T có đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại xóm 4, xã L; quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Về phía chị H xác định nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, cả hai đã tìm nhiều biện pháp khắc phục mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả nên hai bên đã sống ly thân nhau từ 2021 không quan tâm đến

cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về phía anh T mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng anh T không có bản tự khai, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hàn gắn tình cảm để về đoàn tụ.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh T tại UBND xã L là nơi anh T cư trú thì chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị H, anh T có đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã L, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, hiện chỉ có một mình anh T đang chung sống cùng với mẹ đẻ tại xóm 4, xã L. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không biết do không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì về tình trạng hôn nhân của chị H, anh T. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T quan điểm của UBND xã là đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những chứng cứ nêu trên đã có đủ cơ sở xác định: quá trình chung sống chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống; cả hai đã tìm nhiều biện pháp khắc phục mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả nên hai bên đã sống ly thân nhau từ 2021 không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng họ đã đến mức trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân của hai anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T căn cứ quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân gia đình được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thu T1, sinh ngày 25/01/2020, hiện cháu T1 đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị

Về phía anh T không có lời khai và không có ý kiến gì về vấn đề con cái khi giải quyết ly hôn. Xét cháu T1 hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời chị H cũng tự nguyện không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị. Do đó việc giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không buộc anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81,82 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết; về phía anh T không có ý kiến gì về vấn đề này. Vì vậy không xem xét giải quyết về tài sản chung của anh chị.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H với anh Đỗ Hữu T.

2. Giao chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Đỗ Thu T1, sinh ngày 25/01/2020 đến khi thành niên; anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 4943 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử sơ thẩm công khai, chị H và anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh